

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Chính.
2. Ông Nguyễn Vinh Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Chu Văn D, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Xóm 7, xã QuGi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Bà Cao Thị Đ, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Xóm 7, xã Qu Gi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2022 trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Chu Văn D trình bày: Ông và bà Đ tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 6/1978, không có đăng ký kết hôn nhưng được hai gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, mặc dù đã

nhiều lần cố gắng nhường nhịn để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Ông và bà Đ sống ly thân từ năm 2014 đến nay không quan tâm nhau nữa. Ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đ. Ông và bà Đ có 03 con chung gồm: Chu Huy Th, sinh năm 1980; Chu Huy B, sinh ngày 1985; Chu Huy L, sinh năm 1991 (đã mất). Các con Th, B đã trưởng thành có cuộc sống riêng. Tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Cao Thị Đ trình bày: Bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 6/1978, không có đăng ký kết hôn nhưng được hai gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán như ông D trình bày là đúng. Cuộc sống chung không hạnh phúc do bà và ông D không có tiếng nói chung, vợ chồng đã tìm biện pháp để khác phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Bà và ông D sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không quan tâm nhau nữa. Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà đồng ý. Bà và ông D có 03 con chung Chu Huy Th, sinh năm 1980; Chu Huy B, sinh ngày 1985; Chu Huy L, sinh năm 1991 (đã mất). Các con Th, B đã trưởng thành có cuộc sống riêng. Tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Qu Gi thể hiện: Ông D, bà Đ có hộ khẩu thường trú tại xóm 7, xã Qu Gi, huyện Quỳnh Lưu. Ông D, bà Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1978 như họ trình bày là đúng, qua kiểm tra sổ sách đơn vị chỉ lưu từ năm 1998 đến nay. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn địa phương không biết vì không có đơn đề nghị địa phương hòa giải. Ông D xin ly hôn bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, tổng đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của Thẩm phán hoàn toàn đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo quy định pháp luật trong quá trình xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn. Về tình cảm: cho ly hôn giữa ông Chu Văn D và bà Cao Thị Đ. Con chung đã trưởng thành nên không giải quyết. Tài sản chung không xem xét. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã Qu Gi, huyện Quỳnh Lưu, theo quy định tại Điều 35, 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của ông D, bà Đ, kết quả xác minh tại UBND xã Quỳnh Giang. Căn cứ vào khoản d Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 về Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình công nhận ông D và bà Đ là vợ chồng. Các bên đương sự thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, Tòa án báo các bên đến hòa giải khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng bà Đ không đến, ông D giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông D, bà Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông D được ly hôn bà Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con Chu Huy Th, sinh năm 1980; Chu Huy B, sinh ngày 1985; Chu Huy L, sinh năm 1991 (đã mất). Các con Th, B đã trưởng thành có cuộc sống riêng, nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên không giải quyết.

Án phí: Nguyên đơn ông Chu Văn D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 227, 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Chu Văn D và bà Cao Thị Đ.
2. Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét.
3. Về tài sản chung: Không xem xét.
4. Về án phí: Nguyên đơn ông Chu Văn D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Qu Gi;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến

